

PHÉP DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 22... /QĐ - UBND, ngày 20 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường TH xã Thanh Luông										30.750.000
1	Lò Thị Kim Lan		2018	1A1	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Nghiêu - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
2	Giàng Thế Vinh	2018		1A1	Mông	Thào Thị So	Bản Tia Rình A - Xã Tia Rình - Điện Biên Đông	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
3	Thào Xuân Nhi	2018		1A1	Mông	Vàng Thị Mỹ	Bản Tia Ghềnh- Tia Rình _ ĐBD	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
4	Lò Quang Khải	2018		1A1	Thái	Quảng Thị Hoan	Nà Hỳ - Nậm Pồ	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
5	Vàng Thị Thuý		2018	1A1	Mông	Vàng A Daur	Huổi có , xã Nậm Păm - Mường La	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
6	Lù Văn Cường	2018		1A2	Thái	Vì Thị Tiên	Bản Pe Nội - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
7	Nguyễn Ngọc Anh Huy	2018		1A2	Kinh	Nguyễn Ngọc Phong	Thôn Thanh Bình B - Thanh Luông	Khuyết tật	150.000	5	750.000
8	Quảng Hải Đăng	2018		1A4	Khơ mú	Quảng Văn Hặc	Bản Hua Pe -Thanh Luông	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
9	Quảng Văn Bảo	2018		1A4	Khơ mú	Quảng Thị Dương	Bản Hua Pe -Thanh Luông	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
10	Cả Minh Khang	2017		2A1	Thái	Vì Thị Thanh Thuý	Bản Nậm Tin 2- Xã Nậm Tin- Huyện Nậm Pồ -Điện Biên	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
11	Đỗ Ngọc Diệp		2017	2A2	Kinh	Đỗ Tuấn Nam	Thôn An Thịnh - Đông Lợi- Sơn Dương - Tuyên Quang	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
12	Lường Khánh Đạt	2017		2A4	Khơ mú	Lường Thị Tĩnh	Bản Hua Pe -Thanh Luông	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
13	Lường Quỳnh Nga		2017	2A4	Khơ mú	Quảng Thị Nam	Bản Hua Pe -Thanh Luông	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
14	Lò Thị Khánh Lê		2017	2A4	Khơ mú	Lò Thị Tiên	Bản Hua Pe -Thanh Luông	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
15	Lò Đức Duy	2016		3A1	Thái	Quảng Thị Thương	Bản Nậm Ngám A - Xã Pú Nhi Điện Biên Đông	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
16	Cao Thị Quỳnh Chi		2016	3A1	Kinh	Lò Thị Dung	Bản Pháng Chủ - Xã Phìn Hồ - Nậm Pồ	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
17	Cao Đăng Khoa	2016		3A1	Kinh	Lò Thị Dung	Bản Pháng Chủ - Xã Phìn Hồ - Nậm Pồ	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
18	Lò Gia Khánh	2016		3A1	Thái	Lò Văn Du	Bản Nà Hi 3- Xã Nà Hi -Nậm Pồ	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
19	Quảng Thị Yến Nhi		2016	3A1	Khor mú	Lò Thị Hà	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
20	Lù Thị Khánh		2016	3A1	Thái	Vì Thị Tiến	Bản Pe Nội - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
21	Lường Tuấn Thành	2016		3A1	Thái	Lường Thị Chòi	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
22	Lò Việt Hà	2013		3A2	Thái	Lò Thị Diên	Bản Nghiu - Thanh Luông	Khuyết tật	150.000	5	750.000
23	Giảng Tiến Dũng	2015		3A2	Mông	Thào Thị So	Bản Tia Rinh A - Xã Tia Rinh - Điện Biên Đông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Đăng Khôi	2016		3A3	Thái	Lò Thị Hoa	Bản NọngTóng-Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
25	Tòng Thị Phương Nhi		2016	3A3	Thái	Lò Thị Văn	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
26	Lường Thị Khánh Nguyệt		2016	3A3	Khor mú	Lường Văn Chính	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
27	Hà Quỳnh Nhi		2016	3A3	Kinh	Nguyễn Thị Thắm	Bản Thanh Chính -Noong Luổng	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
28	Cà Bảo Quân	2016		3A3	Thái	Cà Thị Yên	Phiêng Muông A-Pủ Hồng-Huyện DB Đông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
29	Lò Thị Lan Anh		2015	4A1	Thái	Cà Thị Thu Trang	Bản Sen Thượng - Mường Nhé	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
30	Lò Bảo Lâm	2015		4A1	Thái	Lò Thị Thanh Loan	Nậm nèn 2 - X.Nậm nèn - M. Chả	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
31	Nguyễn Thảo Nhi		2015	4A2	Kinh	Nguyễn Tiến Thành	Bản Nộc Cốc 1- Vàng Dán-Nậm Pồ	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
32	Thào Thị Phương		2015	4A4	Mông	Thào A Lênh	Tia Ghènh - Tia Dinh - DBD	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
33	Lò Bảo Long	2015		4A4	Thái	Lò Thị Hinh	Bản Bánh - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
34	Quảng Thị Minh Thúy		2014	5A1	K. Mú	Quảng Văn Thông	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
35	Lò Hà Anh		2014	5A2	Thái	Lò Văn Thuận	Bản Pe Nội - Thanh Luông	Khuyết tật	150.000	5	750.000
36	Cao Thị Tố Uyên		2014	5A2	Kinh	Lò Thị Dung	Nậm Pồ - Điện Biên	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
37	Lường Thị Ánh Dương		2014	5A3	Thái	Bùi Thị Tuyết Nhung	Pa Ham - Mường Chà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
38	Lò Duy Nghĩa	2014		5A3	Thái	Lường Thị Tinh	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
39	Lò Thị Uyên		2014	5A3	K. Mú	Lò Thị Hà	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
40	Lò Thị Hồng		2014	5A3	Thái	Lò Thị Khôi	Pe Luông - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
41	Vì Thị Hồng Ngọc		2014	5A3	Thái	Vì Thị Hoi	Bản Na Ngua - Luân Giới DBD	Hộ nghèo	150.000	5	750.000